CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

Quảng Ngãi, tháng 8 năm 2025

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH
Ký ngày: 23/8/2025 11:57:49

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Ne và được tách ra từ Công ty Cổ phần Tấn Phát, được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6101177237 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Kon Tum (nay là Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi) cấp lần đầu ngày 21/5/2014, đăng ký thay đổi các lần và thay đổi lần thứ mười (10) ngày 27/05/2025 vốn điều lệ của Công ty là 284.904.000.000 VND *(Hai trăm tám mươi bốn tỷ, chín trăm lẻ bốn triệu đồng)*.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: TRUONG THINH ENERGY INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HOSE với mã chứng khoán TTE, Cổ phiếu của Công ty thuộc diện kiểm soát từ ngày 11/4/2025 theo Quyết định số 172/QĐ-SGDHCM ngày 03/4/2025 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 507 Duy Tân, phường Đăk Cấm, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, PHÒNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Phòng Kiểm toán nội bộ và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	**Chức vụ**
Ông Phương Thừa Vũ	Chủ tịch
Bà Lê Thị Thu Hường	Thành viên
Ông Trần Văn Hải	Thành viên
Ông Đinh Xuân Hoàng	Thành viên
Ban Kiểm soát	
Ông Hoàng Minh Sang	Trưởng ban
Bà Lê Thị Hạnh	Thành viên
Bà Phạm Thị Ngân	Thành viên
Phòng Kiểm toán nội bộ	
Ông Hoàng Việt Anh	Trưởng phòng
Ông Tô Minh Quang	Phó phòng
Ban Tổng Giám đốc	
Ông Đinh Xuân Hoàng	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Thanh Tiến	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/8/2025)
Ông Nguyễn Văn Quân	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/8/2025)
Ông Hoàng Hữu Điền	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 6101177237 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH
TP. KON TUM - T. KON TUM

Đinh Xuân Hoàng
Tổng Giám đốc
Quảng Ngãi, ngày 20 tháng 8 năm 2025

CPA VIETNAM
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Trụ sở chính TP. Hà Nội:
Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building,
Số 235 Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.
+84 (24) 3 783 2121 info@cpavietnam.vn
+84 (24) 3 783 2122 www.cpavietnam.vn

INPACT MEMBER

Số: 98/2025/BCSXHN-CPA VIETNAM-NV5

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Phòng Kiểm toán nội bộ và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh, được lập ngày 20 tháng 8 năm 2025, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả của cuộc soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, tại ngày 30/6/2025 Công ty lỗ lũy kế 4,625 tỷ đồng, các khoản nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn 140,612 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2024 là 109,830 tỷ đồng). Theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, đây là dấu hiệu cho thấy sự tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có do ảnh hưởng của vấn đề không chắc chắn nêu trên.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến vấn đề trên.

Vấn đề khác

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi các Kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 đã được soát xét bởi các Kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác với Kết luận soát xét chấp nhận toàn phần.

M.S.D.N: 0101917917 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI - VIỆT NAM

Phan Huy Thắng
Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0147-2023-137-1
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT
Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130 + 150)	**100**		**23.417.738.758**	**34.204.819.572**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5.1**	**4.109.074.827**	**10.314.466.069**
1. Tiền	111		4.109.074.827	10.314.466.069
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**18.827.804.944**	**23.253.856.075**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	16.294.517.793	17.402.486.707
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	1.030.584.873	5.006.187.333
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	1.502.702.278	845.182.035
III. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**480.858.987**	**636.497.428**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	480.858.987	636.497.428
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	**200**		**856.056.331.063**	**881.648.981.040**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**43.600.000**	**53.747.965**
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	43.600.000	53.747.965
II. Tài sản cố định	**220**		**686.719.325.187**	**705.567.536.205**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	686.719.325.187	705.567.536.205
- *Nguyên giá*	*222*		*1.148.236.207.643*	*1.147.531.636.643*
- *Giá trị hao mòn luỹ kế*	*223*		*(461.516.882.456)*	*(441.964.100.438)*
III. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**5.7**	**161.856.596.989**	**171.606.340.952**
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		161.856.596.989	171.606.340.952
IV. Tài sản dài hạn khác	**260**		**7.436.808.887**	**4.421.355.918**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	7.332.237.913	4.262.226.175
2. Lợi thế thương mại	269		104.570.974	159.129.743
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**879.474.069.821**	**915.853.800.612**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	**300**		**593.541.828.031**	**623.396.856.048**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**164.030.139.551**	**144.035.116.361**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.8	3.884.574.913	3.985.658.650
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		624.224.873	624.224.873
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.9	9.205.379.474	8.123.727.867
4. Phải trả người lao động	314		921.897.557	794.221.860
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.10	8.814.602.158	9.239.106.235
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	43.295.332.689	34.437.172.689
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	96.827.123.700	86.374.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		457.004.187	457.004.187
II. Nợ dài hạn	**330**		**429.511.688.480**	**479.361.739.687**
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.12	416.500.000.000	468.300.000.000
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		13.011.688.480	11.061.739.687
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	**400**		**285.932.241.790**	**292.456.944.564**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**5.13**	**285.932.241.790**	**292.456.944.564**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		284.904.000.000	284.904.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*284.904.000.000*	*284.904.000.000*
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		32.187.286	32.187.286
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(4.625.833.451)	2.026.367.979
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*2.026.367.979*	*20.962.614.589*
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	*421b*		*(6.652.201.430)*	*(18.936.246.610)*
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		5.621.887.955	5.494.389.299
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440= 300 + 400)	**440**		**879.474.069.821**	**915.853.800.612**

Quảng Ngãi, ngày 20 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Đoàn Thị Ngọc Thu	Trần Văn Giang	Đinh Xuân Hoàng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**		**65.359.591.386**	**59.591.430.051**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	**10**	**6.1**	**65.359.591.386**	**59.591.430.051**
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	28.863.834.333	27.769.851.010
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	**20**		**36.495.757.053**	**31.821.579.041**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	25.977.643	7.322.827.984
7. Chi phí tài chính	22	6.4	27.014.458.912	35.908.078.967
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*27.014.458.912*	*35.908.078.967*
8. Phần lãi (lỗ) trong Công ty liên kết, liên doanh	**24**		**(9.749.743.963)**	**(13.307.466.018)**
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	3.436.161.152	3.141.550.542
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26)	**30**		**(3.678.629.331)**	**(13.212.688.502)**
12. Thu nhập khác	31	6.6	50.023.668	418.471
13. Chi phí khác	32	6.6	248.702.312	1.008.972.787
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**	**6.6**	**(198.678.644)**	**(1.008.554.316)**
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**(3.877.307.975)**	**(14.221.242.818)**
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.7	697.446.006	418.325.611
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		1.949.948.793	2.661.633.620
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	**60**		**(6.524.702.774)**	**(17.301.202.049)**
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61		(6.652.201.430)	(17.335.458.792)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		127.498.656	34.256.743
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	(233)	(608)

Quảng Ngãi, ngày 20 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Đoàn Thị Ngọc Thu	Trần Văn Giang	Đinh Xuân Hoàng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND (Trình bày lại)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**		**(3.877.307.975)**	**(14.221.242.818)**
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		19.552.782.018	19.593.838.011
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		9.723.766.320	5.984.638.034
- Chi phí lãi vay	06		27.014.458.912	35.908.078.967
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	*08*		***52.413.699.275***	***47.265.312.194***
- Tăng/giảm các khoản phải thu	09		4.083.296.365	56.290.178.991
- Tăng/giảm các khoản phải trả	11		8.971.848.061	(54.457.428.637)
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12		(2.914.373.297)	845.333.655
- Tiền lãi vay đã trả	14		(27.438.962.989)	(32.646.316.610)
- Thuế TNDN đã nộp	15		-	(520.732.816)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	*20*		***35.115.507.415***	***16.776.346.777***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		-	4.000.000.000
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		25.977.643	18.494.834
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	*30*		***25.977.643***	***4.018.494.834***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		(41.346.876.300)	(59.850.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	*40*		***(41.346.876.300)***	***(59.850.000.000)***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**		**(6.205.391.242)**	**(39.055.158.389)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**5.1**	**10.314.466.069**	**40.941.987.718**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	**70**	**5.1**	**4.109.074.827**	**1.886.829.329**

Quảng Ngãi, ngày 20 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Đoàn Thị Ngọc Thu	Trần Văn Giang	Đinh Xuân Hoàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Ne và được tách ra từ Công ty Cổ phần Tấn Phát, được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6101177237 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Kon Tum (nay là Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi) cấp lần đầu ngày 21/5/2014, đăng ký thay đổi các lần và thay đổi lần thứ mười (10) ngày 27/05/2025 vốn điều lệ của Công ty là 284.904.000.000 VND *(Hai trăm tám mươi bốn tỷ, chín trăm lẻ bốn triệu đồng)*.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: TRUONG THINH ENERGY INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HOSE với mã chứng khoán TTE, Cổ phiếu của Công ty thuộc diện kiểm soát từ ngày 11/4/2025 theo Quyết định số 172/QĐ-SGDHCM ngày 03/4/2025 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 507 Duy Tân, phường Đăk Cấm, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2025 là 70 người (tại ngày 31/12/2024 là 44 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2024, Công ty có 1 công ty con, 3 công ty liên kết, 2 đơn vị trực thuộc sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con trực tiếp					
Công ty TNHH Trung Việt	Quảng Ngãi	Sản xuất điện	98%	98%	98%
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng	Lâm Đồng	Sản xuất điện	31,18%	31,18%	31,18%
Công ty Cổ phần Thủy điện Huổi Vang - Thành Bưởi	Điện Biên	Sản xuất điện	38,40%	38,40%	38,40%
Công ty Cổ phần Thủy điện Đá Đen	Đăk Lăk	Sản xuất điện	43%	43%	43%
Đơn vị trực thuộc					
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại Quảng Nam	Quảng Nam				
Văn phòng đại điện Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại Đà Nẵng	Đà Nẵng				

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty do Công ty kiểm soát (Công ty con) được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định về khả năng hoạt định liên tục

Tại ngày 30/6/2025 Công ty lỗ lũy kế 4,625 tỷ VND, các khoản nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn 140,612 tỷ VND (tại ngày 31/12/2024 là 109,830 tỷ VND). Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng, Công ty hoàn toàn có khả năng tiếp tục hoạt động trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào việc thu hồi các khoản nợ, các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết và việc thu hồi từ khấu hao TSCĐ đã đầu tư vào các Nhà máy. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét đánh giá ảnh hưởng của các khoản đầu tư này và có kế hoạch đưa ra những giải pháp nhằm bảo toàn tài sản đầu tư, ổn định tài chính cho Công ty. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở giả định Công ty hoạt động liên tục là phù hợp.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu chi tiết theo công trình và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: Được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con, công ty liên kết

Đầu tư vào Công ty con, công ty liên kết: Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Phương pháp khấu hao

Thời gian khấu hao và phương pháp khấu hao Tài sản cố định được thực hiện nhất quán và có thể được thay đổi khi có sự thay đổi đáng kể cách thức thu hồi lợi ích kinh tế của Tài sản cố định.

Dự án Nhà máy Thủy điện Đăk Ne và Dự án Nhà máy Thủy điện Đăk Bla 1 được điều chỉnh thời hạn hoạt động lên 49 năm và 50 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Quyết định số 799/QĐ-UBND ngày 28/5/2021 và Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 của UBND tỉnh Kon Tum. Theo đó Công ty đã thực hiện điều chỉnh thời gian khấu hao của 2 Nhà máy này kể từ kỳ kế toán năm 2021 để phù hợp với thời gian hoạt động của dự án.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, thời gian khấu hao cụ thể:

Tài sản cố định hữu hình	**Thời gian khấu hao (năm)**
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 45
Máy móc và thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Công ty là bên góp vốn

Các khoản vốn bằng tiền và tài sản góp vào BCC được ghi nhận như một khoản công nợ phải thu trên Báo cáo tài chính năm.

Ghi nhận doanh thu, chi phí theo BCC: Ghi nhận doanh thu một lần khi hết thời hạn hợp tác kinh doanh theo quy định tại hợp đồng.

Nguyên tắc kế toán Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được ghi giảm đến giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định rằng khoản này không thể thu hồi toàn bộ.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời gian từ 01 năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay và nợ thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.
Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay của Công ty bao gồm:

- Lãi tiền vay ngắn hạn, lãi tiền vay dài hạn, kể cả lãi tiền vay trên các khoản thấu chi;
- Phần phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội phát sinh liên quan đến những khoản vay do phát hành trái phiếu;
- Phần phân bổ cho các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay được ước tính dựa trên số tiền vay, thời hạn và lãi suất thực tế từng kỳ theo từng khế ước vay;
- Chi phí phát hành trái phiếu phải trả cho đơn vị tư vấn và cung cấp dịch vụ quản lý tài sản đảm bảo căn cứ theo hợp đồng đã ký.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu chính trong kỳ của Công ty từ hoạt động bán điện do đơn vị sản xuất được xác định và ghi nhận dựa trên sản lượng điện (xác định theo chỉ số trên công tơ điện) và giá bán điện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

Doanh thu hoạt động tài chính

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa;...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu thực hiện trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập phải nộp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN với thuế suất ưu đãi là 10% đối với thu nhập từ dự án Nhà máy thủy điện Đăk Ne, theo quy định tại khoản 1, Điều 20, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015).

Dự án Nhà máy thủy điện Đăk Bla 1 nằm trong danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư theo Nghị định 118/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Năm 2025 là năm thứ 8 Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất thuế TNDN 10% và là năm thứ 4 giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho Dự án này do đầu tư vào địa bàn kinh tế đặc biệt khó khăn.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được khi Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng hoạt động chính của Công ty là sản xuất điện và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	51.140.863	53.623.205
Tiền gửi ngân hàng	4.057.933.964	10.260.842.864
Tổng	**4.109.074.827**	**10.314.466.069**

5.2 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	16.294.517.793	17.402.486.707
Tổng	**16.294.517.793**	**17.402.486.707**

5.3 Trả trước người bán ngắn hạn

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty CP Xây dựng và Thương mại 789 Hà Nội	-	3.670.942.153
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng 78	535.260.000	535.260.000
Đài khí tượng thủy văn tỉnh Kon Tum	-	411.305.500
Các nhà cung cấp khác	495.324.873	388.679.680
Tổng	**1.030.584.873**	**5.006.187.333**

5.4 Phải thu khác ngắn hạn, dài hạn

	30/6/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	**1.502.702.278**	-	**845.182.035**	-
Tạm ứng (*)	1.502.702.278	-	840.182.035	-
Ông Hồ Thanh Tiến	*1.125.322.248*	-	*437.322.248*	-
Ông Hoàng Hữu Điền	*70.785.721*	-	*99.483.336*	-
Tạm ứng khác	*306.594.309*	-	*303.376.451*	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	5.000.000	-
Dài hạn	**43.600.000**	-	**53.747.965**	-
Ký cược, ký quỹ	43.600.000	-	53.747.965	-
Tổng	**1.546.302.278**	-	**898.930.000**	-
Trong đó phải thu khác là Bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)	***1.196.107.969***	-	***536.805.584***	-

(*) Các khoản tạm ứng cho cán bộ nhân viên để thực hiện hoạt động kinh doanh của Công ty.

5.5 Chi phí trả trước

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	**480.858.987**	**636.497.428**
Công cụ dụng cụ	18.304.546	13.918.182
Chi phí bảo hiểm rủi ro nhà máy	253.204.487	223.862.212
Chi phí thuê văn phòng	153.377.737	168.290.002
Chi phí thí nghiệm hiệu chỉnh	-	60.998.612
Chi phí sửa chữa	27.800.000	-
Chi phí ngắn hạn khác	28.172.217	169.428.420
Dài hạn	**7.332.237.913**	**4.262.226.175**
Công cụ dụng cụ	870.021.993	856.144.423
Chi phí sửa chữa nhà máy	6.086.960.874	2.927.950.899
Chi phí trả trước dài hạn khác	375.255.046	478.130.853
Tổng	**7.813.096.900**	**4.898.723.603**

5.6 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2025	**845.688.285.352**	**295.154.556.592**	**5.456.902.893**	**1.231.891.806**	**1.147.531.636.643**
Tăng trong kỳ	**612.611.000**	**91.960.000**	-	-	**704.571.000**
Mua trong kỳ	-	91.960.000	-	-	91.960.000
Xây dựng hoàn thành	612.611.000	-	-	-	612.611.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2025	**846.300.896.352**	**295.246.516.592**	**5.456.902.893**	**1.231.891.806**	**1.148.236.207.643**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2025	**284.315.578.814**	**151.806.044.080**	**5.086.399.765**	**756.077.779**	**441.964.100.438**
Tăng trong kỳ	**11.862.457.854**	**7.500.553.825**	**113.398.916**	**76.371.423**	**19.552.782.018**
Khấu hao trong kỳ	11.862.457.854	7.500.553.825	113.398.916	76.371.423	19.552.782.018
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2025	**296.178.036.668**	**159.306.597.905**	**5.199.798.681**	**832.449.202**	**461.516.882.456**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại ngày 01/01/2025	**561.372.706.538**	**143.348.512.512**	**370.503.128**	**475.814.027**	**705.567.536.205**
Số dư tại ngày 30/6/2025	**550.122.859.684**	**135.939.918.687**	**257.104.212**	**399.442.604**	**686.719.325.187**

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố để bảo đảm cho các khoản vay tại ngày 30/06/2025 là 685.384.536.549 VND (tại ngày 01/01/2025: 704.721.218.986 VND).

Nguyên giá của TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 là 4.442.619.625 VND (tại ngày 01/01/2025: 3.630.403.261 VND).

5.7 Đầu tư tài chính dài hạn

	Tỷ lệ		30/6/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng (1)	31,18%	31,18%	85.800.000.000	62.820.398.690	85.800.000.000	69.245.982.174
Công ty Cổ phần Thủy điện Huổi Vang - Thành Bưởi (2)	38,40%	38,40%	52.800.000.000	21.685.333.880	52.800.000.000	25.009.494.360
Công ty Cổ phần Thủy điện Đá Đen (3)	43,00%	43,00%	77.400.000.000	77.350.864.419	77.400.000.000	77.350.864.419
Tổng			**216.000.000.000**	**161.856.596.989**	**216.000.000.000**	**171.606.340.952**

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty không niêm yết tại ngày 30/6/2025 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

(1) Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2022/HĐCN-ĐB-TTE ngày 10/01/2022 giữa Công ty và ông Võ Hoàng Giang, Công ty nhận chuyển nhượng 5.362.500 cổ phần của Công ty Cổ phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng với giá chuyển nhượng 16.000 VND/cổ phần, có tổng giá trị chuyển nhượng là 85,8 tỷ VND. Công ty Cổ phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800698745 với số vốn điều lệ là 172 tỷ VND, đang vận hành nhà máy thủy điện Đại Bình ở Thôn 16, Xã Bảo Lâm 3, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam. Công ty đang hoạt động bình thường.

(2) Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 02/2022/HĐCN-HVTB-TTE ngày 10/01/2022 giữa Công ty và bà Lê Thị Thu Hường, Công ty nhận chuyển nhượng 4.800.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Thủy điện Huổi Vang - Thành Bưởi với giá chuyển nhượng 11.000 VND/cổ phần, có tổng giá trị chuyển nhượng là 52,8 tỷ VND. Công ty Cổ phần Thủy điện Huổi Vang - Thành Bưởi hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5600201638 với số vốn điều lệ là 125 tỷ VND, đang vận hành nhà máy thủy điện Huổi Vang ở Bản Huổi Vang, Xã Mường Pồn, tỉnh Điện Biên. Công ty đang hoạt động bình thường.

(3) Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2023/HĐCN-ĐĐ-TTE ngày 28/6/2023 giữa Công ty và ông Trần Văn Hải, Công ty nhận chuyển nhượng 3.870.000 cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đá Đen với giá chuyển nhượng 20.000 VND/cổ phần, tổng giá trị chuyển nhượng là 77,4 tỷ VND. Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đá Đen hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4400998975 với số vốn điều lệ là 90 tỷ VND, đang vận hành nhà máy thủy điện ở Số 54 Nguyễn Bỉnh Khiêm, Phường Tuy Hòa, Đăk Lăk. Công ty đang hoạt động bình thường.

5.8 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/6/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần chứng khoán Quốc gia	2.598.400.000	2.598.400.000	2.598.400.000	2.598.400.000
Đài khí tượng thủy văn tỉnh Kontum	306.305.500	306.305.500	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng điện	587.171.818	587.171.818	587.171.818	587.171.818
Các đối tượng khác	392.697.595	392.697.595	800.086.832	800.086.832
Tổng	**3.884.574.913**	**3.884.574.913**	**3.985.658.650**	**3.985.658.650**

5.9 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2025	Phát sinh trong kỳ		30/6/2025
	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	4.301.796.500	5.086.782.451	5.573.959.808	3.814.619.143
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.135.764.762	697.446.006	-	1.833.210.768
Thuế thu nhập cá nhân	35.474.960	167.662.979	125.179.490	77.958.449
Thuế tài nguyên	1.158.071.681	4.254.692.489	3.617.946.224	1.794.817.946
Các khoản phí, lệ phí khác	1.492.619.964	2.100.947.620	1.908.794.416	1.684.773.168
	8.123.727.867	**12.307.531.545**	**11.225.879.938**	**9.205.379.474**

5.10 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Chi phí lãi vay	6.215.602.158	6.640.106.235
Chi phí phát hành trái phiếu (*)	2.599.000.000	2.599.000.000
Tổng	**8.814.602.158**	**9.239.106.235**

(*) Theo Hợp đồng đại lý quản lý Tài sản bảo đảm số 01/HĐ-ĐLQLTS/21 ngày 15/10/2021 giữa Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Đà Nẵng và Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh.

5.11 Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Ông Bùi Xuân Huy (1)	21.613.030.136	21.613.030.136
Bà Đoàn Thị Ngọc Thu (2)	14.165.880.000	8.479.880.000
Bà Bùi Thị Thanh Huyền (3)	7.224.262.553	4.294.262.553
Công Ty Cổ Phần GE Tây Nguyên	-	50.000.000
Phải trả bảo hiểm	292.160.000	-
Tổng	**43.295.332.689**	**34.437.172.689**

(1) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2022/HĐHT/BXH-TTE ngày 06/4/2022 giữa ông Bùi Xuân Huy và Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh, thực hiện đầu tư phát triển mới hoặc hợp tác với các đối tác để phát triển dự án có hiệu quả kinh tế nhằm mục đích sinh lợi, tổng giá trị đầu tư là 250 tỷ đồng. Theo thỏa thuận số 06.04/2022, xác định mức lãi suất cố định là 4%/năm dựa theo vốn góp thực tế, thời hạn thanh toán 6 tháng kể từ ngày ký xác nhận công nợ. Ông Bùi Xuân Huy đã rút một phần vốn hợp tác đầu tư theo Biên bản thỏa thuận số 17/BBTT/BXH-TTE ngày 20/6/2023. Khoản vốn hợp tác đầu tư này đã được chi trả hết theo Ủy nhiệm chi số BNVAB-6 ngày 04/10/2024. Hiện chỉ còn khoản lãi từ hợp đồng này Công ty chưa chi trả cho ông Bùi Xuân Huy. Theo biên bản thỏa thuận số 01/BBTT/BXT-TTE ngày 30/9/2024, hai bên thống nhất số tiền lợi nhuận phát sinh từ Hợp đồng trên tính đến ngày 30/9/2024 là 21.613.030.137 VND và không áp dụng lãi suất đối với số tiền này trong thời gian chậm thanh toán. Thời gian thanh toán tiền lãi sẽ được hai bên thống nhất thỏa thuận và ký kết Biên bản thanh lý Hợp đồng sau khi hoàn tất nghĩa vụ công nợ liên quan.

(2) Theo Hợp đồng mượn tiền của bà Đoàn Thị Ngọc Thu để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty số 01/2025/HĐMT/TTE-NT ngày 10/01/2025 với số tiền là 15.000.000.000 VND, thời hạn mượn tiền là 1 năm và không có lãi suất.

(3) Khoản mượn tiền của bà Bùi Thị Thanh Huyền nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Hợp đồng mượn tiền số 01.09/2024/HĐMT/TV-TH ngày 28/9/2024, với hạn mức mượn tối đa là 10.000.000.000 VND, thời hạn mượn là 09 tháng và không tính lãi suất. Hợp đồng này đã được gia hạn thêm 03 tháng theo Phụ lục hợp đồng số 01/2024/PLHĐ ngày 28/6/2025.

5.12 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	01/01/2025		Phát sinh trong kỳ		30/6/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	**86.374.000.000**	**86.374.000.000**	**51.800.000.000**	**41.346.876.300**	**96.827.123.700**	**96.827.123.700**
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả						
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Kon Tum (1)	7.800.000.000	7.800.000.000	4.300.000.000	3.900.000.000	8.200.000.000	8.200.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Gia Định (2)	28.000.000.000	28.000.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000	28.000.000.000	28.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Kon Tum (3)	6.074.000.000	6.074.000.000	-	108.000.000	5.966.000.000	5.966.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Gia Định (4)	44.500.000.000	44.500.000.000	29.500.000.000	19.338.876.300	54.661.123.700	54.661.123.700
Vay, nợ thuê tài chính dài hạn	**468.300.000.000**	**468.300.000.000**	**-**	**51.800.000.000**	**416.500.000.000**	**416.500.000.000**
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Kon Tum (1)	28.100.000.000	28.100.000.000	-	4.300.000.000	23.800.000.000	23.800.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Gia Định (2)	31.600.000.000	31.600.000.000	-	18.000.000.000	13.600.000.000	13.600.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Gia Định (4)	161.000.000.000	161.000.000.000	-	29.500.000.000	131.500.000.000	131.500.000.000
Trái phiếu phát hành (5)	247.600.000.000	247.600.000.000	-	-	247.600.000.000	247.600.000.000
Tổng	**554.674.000.000**	**554.674.000.000**	**51.800.000.000**	**93.146.876.300**	**513.327.123.700**	**513.327.123.700**

5.12 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(1) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐTD-TV ký ngày 28/12/2016, số tiền vay là 74 tỷ VND, thời hạn vay 144 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay là thanh toán chi phí mua lại toàn bộ Nhà máy thủy điện Tà Vi theo hợp đồng chuyển nhượng số 01/2016/HĐCN/NV-ĐN ngày 04/11/2016. Lãi suất vay thả nổi, được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Tài sản đảm bảo của khoản vay là Công trình nhà máy thủy điện Tà Vi theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/HĐTCTS-TV ngày 28/12/2016. Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi là 6 tháng/lần.

(2) Khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Gia Định theo Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 031-14/HĐTĐH/SĐBS-02 ngày 09/6/2023 và Hợp đồng mua, bán nợ số 01/2023/HĐMBN-OCB-DN ngày 08/6/2023 chuyển khoản vay từ Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB) - Chi nhánh Đà Nẵng (theo hợp đồng tín dụng số 031-14/HĐTDH ngày 31/12/2014) sang Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Gia Định. Giá trị khoản vay chuyển sang là 93 tỷ VND. Thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng số 031-14/HĐTDH ngày 31/12/2014. Mục đích vay là tái tài trợ và sửa chữa Nhà máy thủy điện Đăk Ne. Lãi suất vay được điều chỉnh từng lần theo thông báo của ngân hàng. Tài sản đảm bảo của khoản vay là Nhà máy thủy điện Đăk Ne, công suất 8,1 MW và quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện (Nhà máy thủy điện Đăk Ne) giữa Công ty và EVN. Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi là 1 tháng/lần.

(3) Theo Hợp đồng tín dụng số 5100-LAV-200900523 ngày 12/6/2009 kèm các phụ lục hợp đồng sửa đổi tín dụng với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Kon Tum, số tiền vay: 44 tỷ VND; mục đích vay: thực hiện đầu tư dự án thủy điện Đăk Pia; thời hạn vay: 192 tháng; lãi suất cho vay: theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ, điều chỉnh tối đa 3 tháng/lần. Tài sản đảm bảo: toàn bộ giá trị công trình thủy điện Đăk Pia theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 5100-LCL-201600073 ngày 14/3/2016 kèm các phụ lục hợp đồng sửa đổi, bổ sung khác.

(4) Theo Hợp đồng mua, bán nợ số 02/2023/HĐMBN-OCB-DN ngày 20/6/2023 kèm phụ lục sửa đổi, bổ sung và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 02.1/2023/HĐMBN-OCB-DN ngày 21/6/2023 chuyển khoản vay của Công ty từ Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Buôn Mê Thuột theo Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 600-29/15/VAB/HĐTDHDN ngày 15/5/2015 sang vay Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Gia Định, số tiền vay gốc: 395 tỷ VND; số tiền vay chuyển đổi: 260,5 tỷ VND; mục đích vay: đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện Đăk Bla 1 tại xã Đăk Ruồng, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum, công suất 15MW; thời hạn vay: 168 tháng từ ngày 15/5/2015 đến ngày 15/5/2029; lãi suất cho vay: theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ; tài sản đảm bảo: quyền tài sản phát sinh gắn liền với dự án nhà máy thủy điện Đăk Bla 1; toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc dự án nhà máy thủy điện Đăk Bla 1; toàn bộ máy móc thiết bị thuộc nhà máy thủy điện Đăk Bla 1 và quyền tài sản đối với phần vốn góp.

5.12 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(5) Theo hợp đồng dịch vụ đại lý phát hành trái phiếu riêng lẻ số 510/2021/HĐĐL/NSI-TTE ngày 05/10/2021 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh và Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia, theo báo cáo kết quả chào bán trái phiếu riêng lẻ số 27/2021/BC-TTE ngày 18/12/2021:

Tên trái phiếu: Trái phiếu Công ty cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (TTEH2124001); Mã trái phiếu: TTE12101; Số lượng trái phiếu chào bán: 2.500 trái phiếu; Số lượng trái phiếu phát hành thành công là 2.499 trái phiếu; Mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 VND/trái phiếu; Kỳ hạn trái phiếu là 36 tháng kể từ ngày phát hành (ngày 19/10/2021) đến ngày đáo hạn (ngày 19/10/2024) với lãi suất danh nghĩa của trái phiếu thực tế phát hành là 11%/năm; Kỳ hạn trả lãi là 6 tháng/lần; Hình thức phát hành trái phiếu là chào bán riêng lẻ; Phương thức phát hành là đại lý phát hành; Loại chứng khoán là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và bảo đảm bằng tài sản; Tổ chức tư vấn, đại lý phát hành là Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia. Tài sản đảm bảo là 15 triệu cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Việt có giá trị là 442,5 tỷ VND. Đại lý quản lý tài khoản và tài sản đảm bảo là Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Đà Nẵng;

Theo giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán thay đổi lần 2 ngày 15/11/2024 của Tổng Công ty Lưu ký Chứng khoán Việt Nam: Tên trái phiếu: TTEH2124001 (mã trái phiếu: TTE12101), số lượng trái phiếu điều chỉnh giảm: 23 trái phiếu; số lượng trái phiếu đăng ký còn lại: 2.476 trái phiếu; tổng giá trị trái phiếu đăng ký còn lại 247,6 tỷ VND; kỳ hạn trái phiếu là 60 tháng kể từ ngày phát hành (ngày 19/10/2021) đến ngày đáo hạn (ngày 19/10/2026) với lãi suất danh nghĩa, lãi suất thực tế phát hành là 11%/năm, kỳ hạn trả lãi là 6 tháng/lần;

Mục đích phát hành trái phiếu là:

- Thực hiện hoạt động đầu tư của Công ty thông qua việc Công ty mua 38,4% cổ phần của cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Thủy điện Huổi Vang - Thành Bưởi với tổng giá trị là 52.800.000.000 VND;
- Thực hiện hoạt động đầu tư của Công ty thông qua việc Công ty mua 43% cổ phần của cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đá Đen với tổng giá trị là 77.400.000.000 VND;
- Thực hiện hoạt động đầu tư của Công ty thông qua việc Công ty mua 31,18% cổ phần của cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Điện Bình Thủy với tổng giá trị là 85.800.000.000 VND;
- Thực hiện đầu tư vào Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Trung Việt với số tiền là 25.500.000.000 VND và tái cơ cấu khoản vay với số tiền là 8.500.000.000 VND.

5.13 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2024	**284.904.000.000**	**32.187.286**	**20.931.921.586**	**5.277.995.782**	**311.146.104.654**
Lãi/(Lỗ) trong năm trước	-	-	(18.936.246.610)	194.290.269	(18.741.956.341)
Điều chỉnh khác	-	-	51.740.327	1.055.924	52.796.251
Giảm khác	-	-	(21.047.324)	21.047.324	-
Số dư tại ngày 31/12/2024	**284.904.000.000**	**32.187.286**	**2.026.367.979**	**5.494.389.299**	**292.456.944.564**
Số dư tại ngày 01/01/2025	**284.904.000.000**	**32.187.286**	**2.026.367.979**	**5.494.389.299**	**292.456.944.564**
Lãi/(Lỗ) trong kỳ này	-	-	(6.652.201.430)	127.498.656	(6.524.702.774)
Số dư tại ngày 30/6/2025	**284.904.000.000**	**32.187.286**	**(4.625.833.451)**	**5.621.887.955**	**285.932.241.790**

5.13 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Bà Lê Thị Hạnh	22.889.000.000	22.889.000.000
Bà Nguyễn Thu Hằng	13.675.000.000	13.675.000.000
Bà Đào Thị Phương Mai	13.950.000.000	13.950.000.000
Các cổ đông khác	234.390.000.000	234.390.000.000
Tổng	**284.904.000.000**	**284.904.000.000**

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu kỳ	**284.904.000.000**	**284.904.000.000**
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày cuối kỳ	**284.904.000.000**	**284.904.000.000**

d. Cổ phiếu

	30/06/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**28.490.400**	**28.490.400**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**28.490.400**	**28.490.400**
Cổ phiếu phổ thông	28.490.400	28.490.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**28.490.400**	**28.490.400**
Cổ phiếu phổ thông	28.490.400	28.490.400
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Doanh thu bán điện		
Nhà máy thủy điện Đăk Ne	23.477.965.368	23.380.422.822
Nhà máy thủy điện Tà Vi	8.104.894.848	5.348.018.001
Nhà máy thủy điện Đăk Bla 1	27.772.035.129	24.966.664.094
Nhà máy thủy điện Đăk Pia	6.004.696.041	5.896.325.134
Tổng	**65.359.591.386**	**59.591.430.051**

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Giá vốn bán điện		
Nhà máy thủy điện Đăk Ne	9.296.181.173	9.106.593.009
Nhà máy thủy điện Tà Vi	3.875.549.266	3.326.246.987
Nhà máy thủy điện Đăk Bla 1	12.359.888.877	12.069.653.073
Nhà máy thủy điện Đăk Pia	3.332.215.017	3.267.357.941
Tổng	**28.863.834.333**	**27.769.851.010**

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Lãi tiền gửi	25.977.643	18.494.834
Lãi từ hợp tác kinh doanh	-	7.304.333.150
Tổng	**25.977.643**	**7.322.827.984**

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	27.014.458.912	31.262.828.281
Chi phí phát hành trái phiếu	-	1.132.900.002
Lãi phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	3.512.350.684
Tổng	**27.014.458.912**	**35.908.078.967**

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.241.441.131	1.965.918.834
Chi phí đồ dùng văn phòng	19.849.032	3.989.373
Thuế phí và lệ phí	7.000.000	16.025.145
Chi phí dịch vụ mua ngoài	746.972.061	807.154.483
Chi phí bằng tiền khác	366.340.159	293.903.939
Lợi thế thương mại được phân bổ	54.558.769	54.558.768
Tổng	**3.436.161.152**	**3.141.550.542**

6.6 Lợi nhuận khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024
	VND	VND
Thu nhập khác	**50.023.668**	**418.471**
Thu nhập khác	50.023.668	418.471
Chi phí khác	**248.702.312**	**1.008.972.787**
Các khoản phạt và vi phạm hành chính	236.551.347	1.008.972.787
Chi phí khác	12.150.965	
Lợi nhuận khác	**(198.678.644)**	**(1.008.554.316)**

6.7 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	697.446.006	418.325.611
Tổng chi phí thuế TNDN	**697.446.006**	**418.325.611**

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.609.246.275	67.688.093
Chi phí nhân công	6.795.695.535	4.157.188.741
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.552.782.018	19.593.838.011
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.708.631.768	1.748.967.636
Chi phí khác bằng tiền	2.579.081.120	2.202.168.529
Tổng	**32.245.436.716**	**27.769.851.010**

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Lợi nhuận sau Thuế TNDN	**(6.652.201.430)**	**(17.335.458.792)**
Các khoản điều chỉnh		
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	**(6.652.201.430)**	**(17.335.458.792)**
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	28.490.400	28.490.400
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**(233)**	**(608)**

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan của Công ty như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ với Công ty
Công ty Cổ phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy điện Huổi Vang - Thành Bưởi	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đá Đen	Công ty liên kết
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Phòng Kiểm toán nội bộ, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên	Ảnh hưởng đáng kể

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với cổ đông và nhân sự chủ chốt:

Thù lao, thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Phòng Kiểm toán nội bộ và Ban Tổng Giám đốc

		Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Hội đồng quản trị			
Ông Phương Thừa Vũ	Chủ tịch	60.000.000	60.000.000
Bà Lê Thị Thu Hường	Thành viên	30.000.000	30.000.000
Ông Trần Văn Hải	Thành viên	30.000.000	30.000.000
Ban Kiểm soát			
Ông Hoàng Minh Sang	Trưởng ban	42.000.000	42.000.000
Bà Lê Thị Hạnh	Thành viên	36.000.000	18.000.000
Bà Phạm Thị Ngân	Thành viên	18.000.000	18.000.000
Phòng Kiểm toán nội bộ			
Ông Hoàng Việt Anh	Trưởng phòng	30.000.000	30.000.000
Ông Tô Minh Quang	Phó phòng	30.000.000	30.000.000
Ban Tổng Giám đốc			
Ông Đinh Xuân Hoàng	Tổng Giám đốc	272.500.000	60.000.000
Ông Nguyễn Văn Quân	Nguyên Phó Tổng Giám đốc	70.000.000	60.000.000
Ông Hoàng Hữu Điền	Phó Tổng Giám đốc	253.674.400	198.000.000
Ông Hồ Thanh Tiến	Phó Tổng Giám đốc	140.067.700	144.000.000
Tổng		**1.012.242.100**	**720.000.000**

Số dư với các bên liên quan như sau:

		30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu khác			
Ông Hoàng Hữu Điền	*Tạm ứng*	70.785.721	99.483.336
Ông Hồ Thanh Tiến	*Tạm ứng*	1.125.322.248	437.322.248
Tổng		**1.196.107.969**	**536.805.584**

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế hợp nhất toán giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam với kết luận soát xét chấp nhận toàn phần.

Quảng Ngãi, ngày 20 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Đoàn Thị Ngọc Thu	Trần Văn Giang	Đinh Xuân Hoàng